TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

Số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2018
Về tranh chấp: "*Ly hôn*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh.**
2. Ông **Phạm Văn Tài.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **PHB**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 121/4B, ấp TA, xã TT, huyện HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **NTG**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: C4/7A, ấp TC, xã TH, huyện HT, tỉnh TN (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh PHB trình bày:

Anh và chị NTG chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2005 tại UBND xã TT, huyện HT, tỉnh TN.Vợ chồng sau khi cưới thì sống bên gia đình chồng, trong quá trình chung sống chị G có mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Năm 2009, hai vợ chồng chuyển về gia đình bên vợ sống. Năm 2011, anh phát hiện chị G quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên hai vợ

chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên nay anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Có 01 con chung PNĐP, sinh ngày 03/01/2007. Khi ly hôn anh B yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại anh và chị G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B và chị G theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Anh PHB và chị NTG chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn. Đến năm 2011, anh B phát hiện chị G quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và đã ly thân nhau từ đó đến nay. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B.

Có 01 con chung PNĐP, sinh ngày 03/01/2007 hiện đang sống chung với anh B, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và theo nguyện vọng của cháu P giao cháu P cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh B không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Anh B không có tài sản chung và nợ chung.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B và chị G theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của anh B thấy rằng: Anh B và chị G chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh B cho rằng vợ chồng chung sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị G quan

hệ tình cảm với người đàn ông khác và đã ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, anh chị không hàn gắn lại được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B và cho anh B được ly hôn với chị G.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của anh B thấy rằng: Hiện cháu PNĐP đang sinh sống ổn định với anh B và cháu P có nguyện vọng sống với anh Phú nên giao cháu P cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi cháu P. Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh PHB đối với chị NTG.

Anh PHB được ly hôn với chị NTG.

2. Về con chung: Giao PNĐP, sinh ngày 03/01/2007cho anh PHB trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh PHB không yêu cầu chị NTG cấp dưỡng nuôi con.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh PHB trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh PHB phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019519 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Anh B, chị G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

LÂM TẤN NHÀN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.